



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
LOGISTICS VINALINK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 29

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2021)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đình Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/08/2021)

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

### **CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Nguyễn Nam Tiến**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021



Số: 41/2021/SX-RSMHCM

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink, được lập ngày 27 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**

**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021*

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>308.086.887.603</b>	<b>289.526.137.788</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>44.995.611.586</b>	<b>63.166.424.316</b>
1. Tiền	111		21.480.027.703	36.658.948.443
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.515.583.883	26.507.475.873
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.8	<b>1.088.500.000</b>	<b>1.088.500.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.088.500.000	1.088.500.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>260.961.020.256</b>	<b>224.634.123.950</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	243.283.444.631	218.219.360.465
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	8.155.433.531	2.485.109.386
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	15.582.611.161	9.990.123.166
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(6.060.469.067)	(6.060.469.067)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.041.755.761</b>	<b>637.089.522</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		290.421.362	96.288.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.11	227.102.207	16.569.330
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	524.232.192	524.232.192
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>87.149.414.593</b>	<b>87.234.501.538</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.657.826.880</b>	<b>2.689.171.880</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	2.657.826.880	2.689.171.880
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>46.893.203.588</b>	<b>47.997.136.704</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	20.560.703.588	21.642.136.704
Nguyên giá	222		52.798.281.583	52.599.781.583
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.237.577.995)	(30.957.644.879)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	26.332.500.000	26.355.000.000
Nguyên giá	228		26.400.000.000	26.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.500.000)	(45.000.000)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.8	<b>35.995.242.994</b>	<b>35.995.242.994</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		526.750.000	526.750.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		37.214.493.302	37.214.493.302
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		726.150.000	726.150.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.872.150.308)	(2.872.150.308)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		400.000.000	400.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.603.141.131</b>	<b>552.949.960</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.603.141.131	552.949.960
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>395.236.302.196</b>	<b>376.760.639.326</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>184.695.800.055</b>	<b>181.655.004.932</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>142.390.800.055</b>	<b>139.350.004.932</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	108.087.774.461	107.701.833.961
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	2.594.637.069	42.216.481
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	4.866.081.555	2.784.900.429
4. Phải trả người lao động	314	4.12	8.442.846.480	12.973.600.073
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	3.117.292.363	4.919.448.829
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	13.962.206.264	9.317.953.180
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.319.961.863	1.610.051.979
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>42.305.000.000</b>	<b>42.305.000.000</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.15	9.500.000.000	9.500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	32.805.000.000	32.805.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>210.540.502.141</b>	<b>195.105.634.394</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16.1	<b>210.540.502.141</b>	<b>195.105.634.394</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.000.000.000	10.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.590.502.141	90.155.634.394
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		82.555.634.394	76.284.227.628
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.034.867.747	13.871.406.766
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>395.236.302.196</b>	<b>376.760.639.326</b>



Nguyễn Nam Tiến  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Anh Nam  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		707.720.333.574	596.913.157.688
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.18	707.720.333.574	596.913.157.688
3. Giá vốn hàng bán	11	4.19	678.574.311.703	576.754.978.528
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.146.021.871	20.158.179.160
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.20	7.765.409.451	7.702.336.325
6. Chi phí tài chính	22		448.945.745	2.089.421.831
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.21	9.335.800.530	6.478.822.120
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.126.685.047	19.292.271.534
9. Thu nhập khác	31		8.182.700	182.642.470
10. Lợi nhuận khác	40		8.182.700	182.642.470
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.134.867.747	19.474.914.004
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.23	4.100.000.000	3.000.000.000
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.034.867.747	16.474.914.004



Nguyễn Nam Tiến  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Anh Nam  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.134.867.747	19.474.914.004
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.22	1.302.433.116	1.254.016.268
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		272.371.707	(41.576.506)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.613.537.929)	(5.153.950.529)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22.096.134.641	15.533.403.237
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(30.644.434.911)	(65.827.304.280)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		631.087.025	40.850.721.971
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.244.324.533)	401.164.899
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(1.720.754.166)	(863.382.026)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(502.133.816)	(1.214.757.755)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(11.384.425.760)</b>	<b>(11.120.153.954)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(198.500.000)	(2.905.407.184)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	227.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(828.500.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		652.127.418	611.225.967
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>453.627.418</b>	<b>(2.895.408.490)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.16.3	(7.200.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.200.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(18.130.798.342)</b>	<b>(14.015.562.444)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		63.166.424.316	69.219.346.853
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(40.014.388)	97.341.338
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	4.1	<b>44.995.611.586</b>	<b>55.301.125.747</b>



Nguyễn Nam Tiên  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Anh Nam  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 05 năm 2021.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 341 (31 tháng 12 năm 2020 là: 339).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Dịch vụ vận tải.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
<b>Công ty con:</b>				
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Regency, Complex C, Ground Floor, Unit 10-11C/168, Samsdach Monireth Blvd (St.217), Sangkat Tomnubteuk, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	100,00%	100,00%	100,00%
<b>Công ty liên doanh, liên kết:</b>				
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Đường Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	27,89%	27,89%	27,89%
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Lô KB13, Đường T5, Khu thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	30,00%	56,52%	56,52%
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	18A Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%	9,15%
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Số 46-48 Đường Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30 Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 436-438 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	33,33%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	40,00%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-003 ngày 17 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 11 năm 2020.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****1.4. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

- Chi nhánh tại Quy Nhơn được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-004 ngày 21 tháng 06 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Chi nhánh tạm ngừng hoạt động kinh doanh thêm 01 năm từ ngày 01/04/2021 đến 31/03/2022 theo nghị quyết số 329/2021/NQ/VNL-HĐQT ngày 09/03/2021.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2020.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	1.150.576.909	1.830.453.727
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.329.450.794	34.828.494.716
Các khoản tương đương tiền (*)	23.515.583.883	26.507.475.873
<b>Cộng</b>	<b>44.995.611.586</b>	<b>63.166.424.316</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,8%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.24	31.509.179	2.375.125.771
Phải thu khách hàng trong nước:	214.689.727.991	193.611.386.641
<i>Công ty TNHH Techtronic Industries Việt Nam Manufacturing</i>	56.696.937.527	28.901.518.099
<i>Công ty Cổ Phần Hàng Không Vietjet</i>	37.249.539.296	27.723.283.441
<i>Công ty TNHH Giao Nhận Daijin Việt Nam</i>	16.486.453.082	27.322.419.970
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Gia Bảo Hung</i>	10.856.800.000	15.106.800.000
<i>Công ty TNHH Một Thành Viên Giao Nhận Vận Tải Tian Xin Việt Nam</i>	7.194.780.917	2.826.683.974
<i>Công ty TNHH Logistics Đông Dương và Viễn Đông</i>	4.985.756.087	5.530.254.254
<i>Công ty TNHH Thời Trang Star</i>	2.403.498.910	2.389.999.397
<i>Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Ium Logistics</i>	1.072.997.533	1.249.451.692
<i>Khách hàng khác trong nước</i>	77.742.964.639	82.560.975.814
Phải thu khách hàng nước ngoài:	28.562.207.461	22.232.848.053
<i>Openroad Transportation Inc</i>	11.512.913.112	390.120.760
<i>The Ultimate Freight - Management and Logistics Inc.</i>	4.598.709.368	-
<i>The Ultimate Logistics Services Inc.</i>	3.549.947.698	-
<i>TPF Sports HK Ltd</i>	1.506.821.309	1.257.125.681
<i>Ziegler Logistics (Hong Kong) Ltd</i>	283.627.666	1.804.735.354
<i>Lamaignere Cargo Korea</i>	-	7.357.982.056
<i>GC Logistics Inc.</i>	-	3.747.448.975
<i>Khách hàng nước ngoài khác</i>	7.110.188.308	7.675.435.227
<b>Cộng</b>	<b>243.283.444.631</b>	<b>218.219.360.465</b>

Tại ngày 30/06/2021, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.24	1.000.000.000	1.000.000.000
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gia Thịnh Thành	3.140.795.890	70.457.056
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu HM Việt Nam	2.762.596.634	158.587.041
Các nhà cung cấp khác	1.252.041.007	1.256.065.289
<b>Cộng</b>	<b>8.155.433.531</b>	<b>2.485.109.386</b>

Tại ngày 30/06/2021, mỗi khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác ngắn hạn có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia – Xem thêm mục 4.24	5.961.410.511	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh (*)	2.379.352.207	-	2.689.352.207	-
Tạm ứng cho nhân viên làm hàng	5.341.542.253	-	4.936.591.018	-
Ký cược, ký quỹ	1.145.600.000	-	1.831.964.883	-
Phải thu khác	754.706.190	-	532.215.058	-
<b>Cộng</b>	<b>15.582.611.161</b>	<b>-</b>	<b>9.990.123.166</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An liên quan đến hợp đồng thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An. Công ty đã thỏa thuận với Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh để thanh lý hợp đồng và thu hồi lại khoản ứng trước trên.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.4. Phải thu khác (Tiếp theo)**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	2.157.826.880	-	2.189.171.880	-
Các khoản khác	500.000.000	-	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.657.826.880</b>	<b>-</b>	<b>2.689.171.880</b>	<b>-</b>

**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	12.385.229.067	6.324.760.000	16.635.229.067	10.574.760.000

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dư nợ từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	15.106.800.000	10.574.760.000
Dư nợ từ 1 - 2 năm	10.856.800.000	6.324.760.000	-	-
Dư nợ từ trên 3 năm	1.528.429.067	-	1.528.429.067	-
<b>Cộng</b>	<b>12.385.229.067</b>	<b>6.324.760.000</b>	<b>16.635.229.067</b>	<b>10.574.760.000</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	21.838.529.093	518.990.476	29.641.853.360	600.408.654	52.599.781.583
Tăng trong kỳ	-	-	-	198.500.000	198.500.000
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>21.838.529.093</b>	<b>518.990.476</b>	<b>29.641.853.360</b>	<b>798.908.654</b>	<b>52.798.281.583</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2021	7.304.933.376	160.432.044	22.921.840.805	570.438.654	30.957.644.879
Khấu hao trong kỳ	438.253.566	63.480.524	762.960.691	15.238.335	1.279.933.116
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>7.743.186.942</b>	<b>223.912.568</b>	<b>23.684.801.496</b>	<b>585.676.989</b>	<b>32.237.577.995</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2021	14.533.595.717	358.558.432	6.720.012.555	29.970.000	21.642.136.704
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>14.095.342.151</b>	<b>295.077.908</b>	<b>5.957.051.864</b>	<b>213.231.665</b>	<b>20.560.703.588</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 23.800.716.273 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.7. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	26.130.000.000	270.000.000	26.400.000.000
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b><u>26.130.000.000</u></b>	<b><u>270.000.000</u></b>	<b><u>26.400.000.000</u></b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	-	45.000.000	45.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	22.500.000	22.500.000
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>67.500.000</u></b>	<b><u>67.500.000</u></b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	26.130.000.000	225.000.000	26.355.000.000
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b><u>26.130.000.000</u></b>	<b><u>202.500.000</u></b>	<b><u>26.332.500.000</u></b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.8. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 4 tháng đến 12 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất từ 3,1%/năm đến 5,1%/năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất 5,3%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	526.750.000		-	526.750.000		-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000.000		-	4.392.000.000		-
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	19.120.589.000		2.872.150.308	19.120.589.000		2.872.150.308
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	4.908.430.302		-	4.908.430.302		-
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	3.918.874.000		-	3.918.874.000		-
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	1.927.800.000		-	1.927.800.000		-
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000		-	946.800.000		-
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	2.000.000.000		-	2.000.000.000		-
<b>Cộng</b>	<b>37.214.493.302</b>		<b>2.872.150.308</b>	<b>37.214.493.302</b>		<b>2.872.150.308</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Đầu tư vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans với tỷ lệ góp vốn là 9,81% (\*).

(\* ) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán trong nước:	82.037.340.422	82.037.340.422	75.096.358.444	75.096.358.444
<i>Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Newstar</i>	4.191.515.436	4.191.515.436	3.075.250.843	3.075.250.843
<i>Công ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Minh Phương Nam Hà Nội</i>	3.740.065.344	3.740.065.344	5.271.125.289	5.271.125.289
<i>Văn Phòng bán vé HHK Japan Airlines Co., Ltd</i>	3.621.207.697	3.621.207.697	3.000.698.398	3.000.698.398
<i>Công ty TNHH Harvest Global Forwarding (Việt Nam)</i>	2.158.437.599	2.158.437.599	1.805.070.971	1.805.070.971
<i>Công ty TNHH United Trans Vietnam</i>	829.859.491	829.859.491	8.190.486.596	8.190.486.596
<i>Người bán khác trong nước</i>	67.496.254.855	67.496.254.855	53.753.726.347	53.753.726.347
Phải trả người bán nước ngoài:	26.050.434.039	26.050.434.039	32.605.475.517	32.605.475.517
<i>Portever Shipping (H.K.) Co., Ltd</i>	1.132.909.825	1.132.909.825	1.062.293.792	1.062.293.792
<i>AD Rem Transport Uab Ningbo Hightime International Logistics Co.,Ltd</i>	1.034.609.827	1.034.609.827	880.010.076	880.010.076
<i>Eagles Air &amp; Sea (Thailand) Co., Ltd</i>	785.669.158	785.669.158	1.718.098.274	1.718.098.274
<i>Goodpack Pte Ltd</i>	618.131.465	618.131.465	779.228.654	779.228.654
<i>Full Global Logistics Solutions Limited</i>	503.588.449	503.588.449	564.257.866	564.257.866
<i>Shanghai Vast International Freight Co., Ltd.</i>	497.005.091	497.005.091	850.348.039	850.348.039
<i>Đại lý nước ngoài khác</i>	472.031.561	472.031.561	446.432.575	446.432.575
	21.006.488.663	21.006.488.663	26.304.806.241	26.304.806.241
<b>Cộng</b>	<b>108.087.774.461</b>	<b>108.087.774.461</b>	<b>107.701.833.961</b>	<b>107.701.833.961</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 30/06/2021 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021 VND</b>
Công ty TNHH Minh Trí	667.072.803	-
Các khách hàng khác	1.927.564.266	42.216.481
<b>Cộng</b>	<b>2.594.637.069</b>	<b>42.216.481</b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2021		Số phát sinh trong kỳ		Số đã khấu trừ trong kỳ	Tại ngày 30/06/2021	
	VND		VND		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16.569.330		16.696.532.652		16.485.999.775	227.102.207	
	Tại ngày 01/01/2021		Trong kỳ			Tại ngày 30/06/2021	
	VND		VND			VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	550.592.919	18.121.878.655	2.145.734.299	16.485.999.775	-	40.737.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.720.754.166	4.100.000.000	1.720.754.166	-	-	4.100.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	-	391.283.387	4.595.914.143	4.342.358.144	-	-	644.839.386
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	524.232.192	-	1.061.080	1.061.080	-	524.232.192	-
Các loại thuế khác	-	122.269.957	644.771.143	686.536.431	-	-	80.504.669
<b>Cộng</b>	<b><u>524.232.192</u></b>	<b><u>2.784.900.429</u></b>	<b><u>27.463.625.021</u></b>	<b><u>8.896.444.120</u></b>	<b><u>16.485.999.775</u></b>	<b><u>524.232.192</u></b>	<b><u>4.866.081.555</u></b>

Trong năm 2018, Công ty đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn năm 2016 - 2020, theo đó đơn giá được xác định lại này thấp hơn so với đơn giá đang được Công ty áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;
- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:
  - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
  - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 - 2017.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.12. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương trong kỳ còn phải trả cho người lao động tại ngày 30/06/2021.

**4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Cước vận chuyển, phí làm hàng	3.111.947.046	4.913.723.794
Các khoản trích trước khác	5.345.317	5.725.035
<b>Cộng</b>	<b>3.117.292.363</b>	<b>4.919.448.829</b>

**4.14. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Hoa hồng phải trả	12.526.809.317	3.910.450.896
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.435.396.947	5.407.502.284
<b>Cộng</b>	<b>13.962.206.264</b>	<b>9.317.953.180</b>
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.000.000	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.805.000.000</b>	<b>32.805.000.000</b>

(\*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm mục 4.27.

**4.15. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm mục 4.27.

Từ năm 2021, theo tình hình thực tế, Công ty đã có Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01/04/2021 điều chỉnh kế hoạch phân bổ lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước của hợp đồng 2391/HĐHT.12 nêu trên cho thời gian còn lại phù hợp theo tiến độ thực hiện của hợp đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Tổng cộng VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2020	90.000.000.000	4.950.000.000	10.000.000.000	83.834.227.628	188.784.227.628
Lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	16.474.914.004	16.474.914.004
Chia cổ tức đợt 2 năm 2019	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2020	90.000.000.000	4.950.000.000	10.000.000.000	92.759.141.632	197.709.141.632
Lợi nhuận trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	3.696.492.762	3.696.492.762
Chia cổ tức đợt 1 năm 2020	-	-	-	(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2021	90.000.000.000	4.950.000.000	10.000.000.000	90.155.634.394	195.105.634.394
Lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	23.034.867.747	23.034.867.747
Chia cổ tức đợt 2 năm 2020	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2021</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>105.590.502.141</b>	<b>210.540.502.141</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.16.2. Cổ phiếu**

	<u>Tại ngày 30/06/2021</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.16.3. Cổ tức đã trả**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Cổ tức đã trả trên tổng số của cổ phiếu phổ thông	(7.200.000.000)	-

**4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<u>Tại ngày 30/06/2021</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	500.506,59	1.102.098,95

**4.18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	459.984.936.979	313.639.726.107
<i>Dịch vụ đường biển</i>	223.020.932.195	82.925.607.537
<i>Dịch vụ hàng không</i>	182.087.690.099	169.717.771.711
<i>Dịch vụ logistics</i>	54.876.314.685	60.996.346.859
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	210.033.673.704	254.315.424.871
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	28.292.722.350	23.641.978.706
Doanh thu chi nhánh Đà Nẵng	9.409.000.541	5.316.028.004
<b>Cộng</b>	<b><u>707.720.333.574</u></b>	<b><u>596.913.157.688</u></b>
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.24	462.312.533	792.012.304

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.19. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	432.554.771.082	295.212.111.445
<i>Dịch vụ đường biển</i>	210.118.198.950	74.803.319.406
<i>Dịch vụ hàng không</i>	172.611.120.775	163.793.167.728
<i>Dịch vụ logistics</i>	49.825.451.357	56.615.624.311
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	208.874.350.616	252.658.540.055
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	28.307.447.040	23.638.885.829
Giá vốn chi nhánh Đà Nẵng	8.837.742.965	5.212.467.566
Giá vốn chi nhánh Quy Nhơn	-	32.973.633
<b>Cộng</b>	<b>678.574.311.703</b>	<b>576.754.978.528</b>
Trong đó, giá vốn cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.24	317.182.065	833.670.412

**4.20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.181.010.511	4.369.754.842
Lãi tiền gửi	432.527.418	611.225.967
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.151.871.522	2.679.779.010
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	41.576.506
<b>Cộng</b>	<b>7.765.409.451</b>	<b>7.702.336.325</b>

**4.21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	6.373.337.831	4.277.806.160
Chi phí vật liệu	77.112.304	66.456.156
Chi phí đồ dùng văn phòng	29.621.500	16.260.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	261.136.299	245.897.964
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.539.248.961	1.048.142.728
Các khoản chi phí quản lý khác	1.050.343.635	819.259.112
<b>Cộng</b>	<b>9.335.800.530</b>	<b>6.478.822.120</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nhân công	38.890.775.758	29.770.392.216
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.302.433.116	1.254.016.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	618.256.133.875	448.364.888.679
Chi phí khác bằng tiền	29.460.769.484	103.844.503.485
<b>Cộng</b>	<b><u><u>687.910.112.233</u></u></b>	<b><u><u>583.233.800.648</u></u></b>

**4.23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Là chi phí thuế TNDN tạm tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này.

**4.24. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên kết
5. Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Công ty liên kết
6. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH Dịch Vụ Đai Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
8. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
9. Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vina Vinatrans	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
10. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2021 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u>
Phải thu ngắn hạn khách hàng:		
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	16.440.000	75.711.000
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	15.069.179	7.885.512
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	-	2.290.362.679
Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	-	1.166.580
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.2</b>	<b><u><u>31.509.179</u></u></b>	<b><u><u>2.375.125.771</u></u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.24. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

	<b>Tại ngày 30/06/2021 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021 VND</b>
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.3:		
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>Tại ngày 30/06/2021 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2021 VND</b>
Phải thu ngắn hạn khác:		
Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	5.100.000.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	861.410.511	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.4</b>	<b>5.961.410.511</b>	<b>-</b>
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Bán dịch vụ:		
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	236.724.354	114.141.953
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	186.750.544	23.585.520
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	29.424.545	-
Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	9.413.090	8.496.715
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	-	645.788.116
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.18</b>	<b>462.312.533</b>	<b>792.012.304</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.24. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Mua dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	128.310.706	34.790.916
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	98.354.000	178.818.732
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vina Vinatrans	70.600.000	56.090.909
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	19.917.359	82.174.657
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	-	467.147.318
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	-	14.647.880
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.19</b>	<b>317.182.065</b>	<b>833.670.412</b>

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT kiêm	342.416.000	342.416.000
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT kiêm	1.082.463.994	783.027.613
Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	864.558.080	584.502.548
Ông Trương Minh Long	Thành viên HĐQT	-	98.880.000
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	20.216.000	33.200.000
Ông Đinh Quang Ngọc	(miễn nhiệm ngày 01/08/2021) Thành viên HĐQT (bỏ	414.352.000	423.352.000
Ông Lê Văn Hùng	nhiệm ngày 27/04/2021)	9.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>2.733.006.074</b>	<b>2.265.378.161</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.25. Thu nhập Ban kiểm soát**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	30.000.000	30.000.000

**4.26. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 01/07/2021, Công ty thông qua việc triển khai, thực hiện phương án phát hành 450.000 cổ phiếu, tương ứng 5% lượng cổ phiếu đang lưu hành theo phương thức chào bán trực tiếp cho cán bộ nhân viên chủ chốt của Công ty theo danh sách được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 550/NQ/VNL-HĐQT ngày 27/04/2021 và Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 789/2021/QĐ/VNL-HĐQT ngày 01/07/2021. Thời điểm thực hiện dự kiến từ quý 2 đến quý 3 năm 2021.

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tích cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 30/06/2021 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài các ảnh hưởng nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.

**4.27. Các thông tin khác**

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Công ty có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12, Công ty nhận trước tiền phân chia lợi nhuận hợp tác khoán gọn đến ngày 31/07/2029 với số tiền là 36 tỷ đồng và được phân bổ vào doanh thu hằng năm dựa vào lịch trình theo công văn số 1360/2016/CV/VNL-ADM ngày 01/10/2016 và Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01/04/2021. Và theo hợp đồng số 2392/HĐĐB.14, Công ty sẽ bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m<sup>2</sup>, văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất cho đến khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến tháng 01 năm 2019, Công ty đã di dời hoạt động sang địa điểm kinh doanh mới tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại mặt bằng 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên.

Tuy nhiên, đến nay các Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh và Hợp đồng nguyên tắc như trên vẫn chưa được thanh lý do cơ quan có thẩm quyền chưa có quyết định thu hồi khu đất để giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội thực hiện dự án đầu tư theo định hướng quy hoạch của TP. Hồ Chí Minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.27. Các thông tin khác (Tiếp theo)**

Ngoài ra, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2371/2020/NQ/VNL-HĐQT thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2020, Công ty đã chấp thuận việc chấm dứt hoạt động từ ngày 01/11/2020 của dự án đầu tư ra nước ngoài của Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) – Công ty con theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 575/BKHĐT-ĐTRNN ngày 20/12/2012. Đến nay, Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) đang trong quá trình chuẩn bị thủ tục, hồ sơ giải thể.



Nguyễn Nam Tiến  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Anh Nam  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh  
Người lập

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021

**Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN  
(kèm theo CBTT Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2021)**

Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink giải trình về việc chênh lệch Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế TNDN giữa Báo cáo tài chính (báo cáo riêng, hợp nhất) bán niên năm 2021 và Báo cáo tài chính (báo cáo riêng, hợp nhất) bán niên năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Bán niên năm 2021	Bán niên năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ%
Doanh thu thuần_BCTC riêng	707.720.333.574	596.913.157.688	110.807.175.886	18,56%
Doanh thu thuần_BCTC Hợp nhất	707.720.333.574	602.944.703.472	104.775.630.102	17,38%
Lợi nhuận sau thuế_BCTC riêng	23.034.867.747	16.474.914.004	6.559.953.743	39,82%
Lợi nhuận sau thuế_BCTC hợp nhất	23.742.373.581	15.003.172.559	8.739.201.022	58,25%

Lý do:

- Doanh thu thuần tăng: do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid\_19 làm giá cước vận chuyển quốc tế tăng cao.
- Lợi nhuận sau thuế tăng do:
  - + Lợi nhuận dịch vụ vận chuyển quốc tế bằng đường biển và hàng không tăng
  - + Lợi nhuận các Công ty liên doanh, liên kết tăng.

**Người đại diện theo pháp luật  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN NAM TIẾN**